

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G
TỈNH GIA LAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2019/DS-ST

Ngày: 09-8-2019

*“V/v Tranh chấp hợp đồng dân
sự vay tài sản”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, TỈNH GIA LAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đính

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Mỹ
2. Ông Trần Quốc Bảo

- Thư ký phiên tòa: Ông Vương Tân Lập – Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Ông Lê Đình Hợp – Kiểm sát viên;

Trong ngày 09 tháng 8 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 35/2019/TLST-DS ngày 09 tháng 4 năm 2019 về việc “Tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2019/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phan Thị T; Địa chỉ: Tổ B, phường Y, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn L và bà Hoàng Thị C; Địa chỉ: Thôn S, xã B, huyện G, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Nguyên đơn Phan Thị T trình bày: Vào ngày 13-3-2019, vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Hoàng Thị C có vay của bà Phan Thị T số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 07 ngày, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng. Khi vay tiền hai bên có lập Giấy mượn tiền đề ngày 13-3-2019. Đến thời hạn trả nợ, bà T đã tiến hành đòi nợ nhiều lần nhưng ông L và bà C trốn tránh, không trả nợ. Vì vậy, bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Văn L và bà Hoàng Thị C phải trả cho bà T số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tính từ ngày 13-3-2019 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của pháp luật.

2. Bị đơn Nguyễn Văn L và bà Hoàng Thị C trình bày: Vào ngày 13-3-2019, vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Hoàng Thị C có vay của bà Phan Thị T số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 07 ngày, lãi suất hai bên thỏa thuận là 3%/ngày. Khi vay tiền hai bên có lập Giấy mượn tiền ngày 13-3-2019. Sau khi vay tiền, ông L và bà C chưa trả cho bà T khoản tiền gốc và tiền lãi nào. Bà T yêu cầu ông L và bà C phải trả số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng và số tiền nợ lãi tính từ ngày 13-3-2019 đến ngày Tòa án giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 20%/năm, thì ông L và bà C chỉ đồng ý trả số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng, đối với số tiền nợ lãi do khó khăn nên đề nghị bà T miễn khoản nợ này.

3. Trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn đã giao nộp và Tòa án thu thập các tài liệu, chứng cứ: 01 bản sao Chứng minh nhân dân Phan Thị T, Hộ khẩu Trần Văn H; 01 Giấy mượn tiền ngày 13-3-2019; 01 bản tự khai ngày 08-7-2019 của ông Nguyễn Văn L; 01 Biên bản xác minh ngày 10-4-2019 của Tòa án.

4. Phát biểu ý kiến tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát khẳng định trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật; Tại phiên tòa Hội đồng xét xử cũng đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng kể từ khi bắt đầu phiên tòa cho đến trước khi nghị án; Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp với quy định của pháp luật, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại các Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết. Trong quá trình giải quyết vụ án những người tiến hành tố tụng đã tuân thủ đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] Về số tiền nợ: Chứng cứ mà bà Phan Thị T cung cấp là Giấy mượn tiền đề ngày 13-3-2019 và lời khai ngày 08-7-2019 của ông Nguyễn Văn L, nội dung thể hiện vợ chồng ông Nguyễn Văn L và bà Hoàng Thị C có vay của bà Phan Thị T số tiền 500.000.000 đồng, mục đích vay là để đáo hạn ngân hàng, thời hạn vay là 07 ngày, lãi suất hai bên thỏa thuận. Do vậy, Hội đồng xét xử xác định hợp đồng vay tiền nói trên là hợp đồng vay có kỳ hạn, thời hạn trả nợ là ngày 21-3-2019 nhưng đến thời hạn trả nợ thì ông L và bà C đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Từ những phân tích trên, căn cứ vào quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T về việc buộc ông L và bà C phải trả cho bà T toàn bộ số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng).

[3] Về tiền lãi: Tại Giấy mượn tiền đề ngày 13-3-2019 chỉ thể hiện lãi suất hai bên tự thỏa thuận, bà T cho rằng hai bên thỏa thuận lãi suất vay là 2%/tháng tương ứng là 24%/năm, ông L cho rằng lãi suất vay là 3%/ngày nhưng các bên đều không đưa ra được chứng cứ để chứng minh thỏa thuận cụ thể về mức lãi suất, bà T chỉ yêu cầu tính lãi suất trên toàn bộ số tiền vay là 20%/năm, ông L và bà C đồng ý với mức lãi suất bà T yêu cầu

và xin được miễn tiền lãi nhưng không được bà T chấp nhận. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, xác định lãi suất thỏa thuận là 20%/năm, tương ứng là 1,666%/tháng và 0,055%/ngày. Như vậy, tiền lãi được tính từ ngày 13-3-2019 đến ngày 09-8-2019 là 04 tháng 28 ngày = $500.000.000 \text{ đồng} \times 1,666\%/\text{tháng} \times 04 \text{ tháng} + 500.000.000 \times 0,055\%/\text{ngày} \times 28 \text{ ngày} = 41.020.000 \text{ đồng}$.

[4] Về số tiền phải trả: Tổng cộng số tiền gốc và tiền lãi ông L và bà C phải trả cho bà T gồm toàn bộ số tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng + tiền lãi là 41.020.000 đồng = 541.020.000 đồng (Năm trăm bốn mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

[5] Về án phí: Toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn là người có nghĩa vụ trả nợ nên phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Điều 144, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Áp dụng Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị T.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Hoàng Thị C phải trả cho bà Phan Thị T toàn bộ số tiền nợ là 541.020.000 đồng (Năm trăm bốn mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng), trong đó tiền nợ gốc là 500.000.000 đồng (Năm trăm triệu đồng) và tiền lãi là 41.020.000 đồng (Bốn mươi một triệu không trăm hai mươi nghìn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Buộc ông Nguyễn Văn L và bà Hoàng Thị C phải chịu toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 25.640.800 đồng (Hai mươi lăm triệu sáu trăm bốn mươi nghìn tám trăm đồng); Bà Phan Thị T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho bà Phan Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.140.000 đồng (Mười hai triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0005588 ngày 09 tháng 4 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện G, tỉnh Gia Lai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện G;
- Lưu HSVA, THADS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(ĐÃ KÝ)**

Lê Văn Đính